TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bàn án số: 78/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Phong

1- Ông Võ Thành Viên.

2- Bà Võ Thị Mai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7, Thành phố H

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố H tham gia phiên tòa:*** *Bà* Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hôn nhân thụ lý số: 499/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 262/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Nguyên đơn: Ông Võ Chí C- sinh năm: 1981;

Địa chỉ: 6/34 Đường số 59, phường A (Phường 14, quận G cũ), Thành phố H.

Bị đơn: Bà Vũ Thị Thúy H - sinh năm: 1985;

Địa chỉ: 6/34 Đường số 59, phường A (Phường 14, quận G cũ), Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2025, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là Ông Võ Chí C trình bày: Ông C với bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A (phường 12, quận G cũ), Thành

phố H, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 27, quyển số 01/2004, ngày 23 tháng 02 năm 2004. Quá trình chung sống, đôi bên thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do quan niệm sống, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nhận thấy không thể khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên Ông C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H để ổn định cuộc sống.

Trong thời gian chung sống ông C, bà H có hai con chung tên: Võ Quốc V, sinh ngày: 08/5/2005 (đã thành niên) và Võ Quốc K, sinh ngày: 03/9/2013, khi ly hôn Ông C xin giao quyền nuôi con là cháu K cho bà H trực tiếp nuôi vì từ khi bà H đang nuôi cháu K. Ông C không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, về nợ chung: Ông C xác định không có.

Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho ông C, Ông C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đối với bà Vũ Thị Thúy H, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho đương sự, triệu tập cho bà H tới Tòa án để ghi bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Hđều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà Htham gia phiên tòa, tại phiên tòa này bà Hvẫn vắng mặt.

I. ĐẠI DIỆN VIỆN KIỂM SÁT PHÁT BIỂU Ý KIẾN:

1. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Chí C được ly hôn với bà Vũ Thị Thúy H.

- Về con chung: có 02 con chung là Võ Quốc V sinh ngày 08/5/2005 (đã trưởng thành) và Võ Quốc Ksinh ngày 03/9/2013. Giao cho bà H nuôi trẻ Võ Quốc K tới tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của Ông C cho đến khi bà H có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ giấy đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân, phường A, (phường 12, quận G), Thành phố H, cấp cho Ông Võ Chí C và bà Vũ Thị Thúy H đã xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông Cvà bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

Yêu cầu xin ly hôn của Ông C đối với bà H là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Toà án nhân dân khu vực 7, Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu ly hôn của Ông C thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ông C yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn, theo nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không còn tình cảm, có mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay vợ chồng không còn chung sống. Như vậy vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H không tới Tòa án tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa cũng đã thể hiện bà H không mong muốn đoàn tụ với ông C, Hội đồng xét xử thấy rằng nên chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung Ông Cxác nhận có hai con chung tên: Võ Quốc V, sinh ngày: 08/5/2005 (đã thành niên) và Võ Quốc K, sinh ngày: 03/9/2013, khi ly hôn Ông C xin giao quyền nuôi con là cháu K cho bà H trực tiếp nuôi vì hiện nay bà H đang nuôi cháu K. Ông C không cấp dưỡng.

Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu của Ông C là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét những vấn đề này.

Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho Ông Cđược ly hôn với bà H, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Chí C được ly hôn với bà Vũ Thị Thúy H, quan hệ hôn nhân chấm dứt ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Có hai con chung tên: Võ Quốc V, sinh ngày: 08/5/2005 (đã thành niên) và Võ Quốc K, sinh ngày: 03/9/2013, bà H trực tiếp nuôi cháu K, Ông C không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Ông C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Võ Chí Cđược ly hôn với bà Vũ Thị Thúy H.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 27, quyển số 01/2004, ngày 23 tháng 02 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường A, (phường 12, quận G cũ), Thành phố H cấp cho Ông Võ Chí C và bà Vũ Thị Thúy H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có hai con chung tên: có hai con chung tên: Võ Quốc V, sinh ngày: 08/5/2005 (đã thành niên) và Võ Quốc K, sinh ngày: 03/9/2013, bà H trực tiếp nuôi cháu K, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ông C do bà H không yêu cầu.

Ông C được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng Ông C phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai số: 0057994 ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, Thành phố H (Chi cục thi hành án dân sự quận G cũ). Ông C đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDTP.H;
- VKSND KV7;
- Nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Phòng THADSKV7;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thành Phong